

ỨNG DỤNG HIỆP ƯỚC BASEL II VÀO HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO CỦA CÁC NGÂN HÀNG TRONG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG VIETINBANK ĐỒNG NAI

Đỗ Thị Thanh Trâm¹, Trần Thị Anh Thu²

¹Công ty TNHH Nam Việt, Việt Nam

²Công ty Jotus painting, Việt Nam

Ngày nhận bài: 24/11/2021

Biên tập xong: 21/01/2022

Duyệt đăng: 15/3/2022

TÓM TẮT

Đây là nghiên cứu nhằm để thảo luận về quản lý rủi ro và tầm quan trọng của nó đến hoạt động cơ bản của ngân hàng Vietinbank ở Đồng Nai, và liệu Hiệp ước Basel II còn có ý nghĩa góp phần gì vào mức độ nghiêm trọng của suy thoái bằng cách tạo ra tình trạng thiếu vốn tại các ngân hàng ở Vietinbank ở Đồng Nai và nói chung. Bảng câu hỏi đã được trả lời bởi các nhà quản lý rủi ro chủ chốt trong các chi nhánh thuộc ngân hàng Vietinbank Đồng Nai.

Các câu hỏi gồm có ba phần chính với tổng số 42 câu.

Phần đầu tiên: 12 câu hỏi và tập trung vào các đánh giá có được về tầm quan trọng và hiệu quả của 5 kỹ thuật quản lý rủi ro chính.

Phần thứ hai : 28 câu hỏi và được sử dụng để trả lời 4 vấn đề: mức độ hiểu biết và thực hiện việc quản lý rủi ro, các công cụ và kỹ thuật hiệu quả nhất ngân hàng đang dùng để quản lý rủi ro, mở rộng cho nhà quản lý nào nhận thức được những rủi ro có liên quan đến hoạt động và mục tiêu, và Hiệp ước Basel II hỗ trợ hay cản trở việc quản lý rủi ro giữa các ngân hàng trong Vietinbank. Nó được dựa trên thang đo Likert (5 mức) cho từng chỉ số riêng biệt.

Phần thứ ba: hai câu hỏi mở định tính được thiết kế để có được thông tin chủ quan về sự hiểu biết cụ thể của họ về rủi ro và quản lý rủi ro, cũng như làm rõ câu trả lời cho những câu hỏi định lượng. Dựa trên kết quả phân tích trong nghiên cứu này, tác giả đưa ra kết luận và giải pháp đề xuất cho đối tượng nghiên cứu là các ngân hàng trong hệ thống ngân hàng Vietinbank Đồng Nai.

Từ khóa: ngân hàng, quản trị rủi ro

1. GIỚI THIỆU

1.1. Bối cảnh nghiên cứu

Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta đang tiến hành hội nhập toàn cầu một cách mạnh mẽ, hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam, với khả năng tác động to lớn đến tất cả các lĩnh vực dưới vai trò là các trung gian tài chính, phải sẵn sàng và tích cực tham gia vào sân chơi quốc tế. Bên cạnh đó, xu thế mở

rộng của thị trường dịch vụ tài chính – ngân hàng với nhiều loại hình mới đã nâng cao tính cấp thiết trong việc từng bước áp dụng các chuẩn mực quốc tế tại Việt Nam nhằm tăng cường năng lực hoạt động, giảm thiểu rủi ro và tạo điều kiện cho các ngân hàng Việt Nam có thể mở rộng thị trường trong thời gian tới. Nói cách khác, các ngân hàng thương mại (NHTM) cần tuân thủ luật pháp quốc tế cũng như áp dụng các điều

ước quốc tế để có cơ sở đánh giá, so sánh với hệ thống ngân hàng của các quốc gia khác trên thế giới, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu. Một trong các điều ước quốc tế được các quản trị gia ngân hàng đặc biệt quan tâm là Hiệp ước quốc tế về an toàn vốn trong hoạt động ngân hàng hay còn được biết đến với tên gọi Hiệp ước Basel. Ra đời từ cách đây 26 năm, Hiệp ước này được rất nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng để giám sát và đánh giá hoạt động của hệ thống ngân hàng nước mình. Hiện nay, Hiệp ước Basel đã được cập nhật đến phiên bản thứ ba với lộ trình áp dụng dự kiến từ 1/1/2013 đến 1/1/2019, bao gồm những quy định mới về khái niệm và các tiêu chuẩn tối thiểu cao hơn cùng với phương pháp giám sát an toàn vĩ mô. Riêng đối với Việt Nam, do còn gặp phải nhiều khó khăn nên hệ thống các NHTM chỉ mới dừng lại ở việc áp dụng một số tiêu chí đơn giản trong phiên bản thứ nhất và vẫn chưa tiếp cận nhiều phiên bản thứ hai. Tuy nhiên trong tương lai, các NHTM Việt Nam, đặc biệt là các ngân hàng có các loại hình dịch vụ, giao dịch quốc tế cũng cần thiết phải ứng dụng Basel II, và xa hơn nữa là Basel III để hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Vì vậy, việc tìm ra những khó khăn cơ bản trong việc ứng dụng Hiệp ước Basel, đặc biệt là Basel II, từ đó đề xuất các giải pháp cho việc ứng dụng Hiệp ước này vào công tác giám sát và quản trị rủi ro trong hệ thống NHTM Việt Nam là hết sức cấp thiết. Đó cũng chính là lý do để tác giả chọn đề tài nghiên cứu: “Quản trị rủi ro trong hệ thống ngân hàng của Việt Nam, một ứng dụng từ hiệp ước Basel

II - 1 nghiên cứu tại hệ thống Vietinbank Đồng Nai”.

Nghiên cứu này thảo luận về quản lý rủi ro và tầm quan trọng của nó đến hoạt động cơ bản của ngân hàng. Khi ngân hàng có quyết định vay hay cho vay, bất kỳ chi phí nào cho hoạt động đó họ gặp phải đều có thể là rủi ro tài chính. Vì thế, họ cần phải nhận biết những loại rủi ro khác nhau mà họ gặp phải, và làm thế nào để có thể chủ động nắm bắt và tránh các rủi ro đó, cũng như tầm quan trọng của Hiệp ước Basel II trong việc giúp họ quản lý rủi ro. Thật vậy, một nghiên cứu của Tschoegl (2003) đã chỉ ra rằng nhiều cuộc khủng hoảng tài chính nổi lên trong những năm 1990, là những thất bại trong quản lý, chứ không phải là chủ yếu do rủi ro, lỗi, độ phức tạp hay các yếu tố môi trường. Điều này có nghĩa rằng phần lớn các rủi ro mà ngân hàng phải đối mặt là những rủi ro có tính hệ thống, và là kết quả của cấu trúc kinh doanh và nhân lực. Như vậy, bất kỳ nỗ lực quản lý rủi ro nào cũng cần phải xem xét việc này, và đảm bảo rằng các yếu tố con người có thể được kiểm soát và quản lý một cách chủ động. Tuy nhiên, hệ thống quản lý rủi ro cũng cần phải chú ý đến yếu tố môi trường và các yếu tố bất kỳ khác có thể ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định của con người, và đảm bảo rằng những yếu tố này phải được nhận biết và chỉ ra 1 cách đầy đủ.

Trong trường hợp của ngân hàng Vietin, điều này có nghĩa là nhìn vào những rủi ro khác nhau mà các ngân hàng trực thuộc Vietinbank Đồng Nai đang phải đối mặt, bao gồm cả rủi ro trong nước và rủi ro quốc tế từ nền kinh tế toàn cầu, khủng hoảng tín dụng.

1.2. Mục tiêu nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu

Mục đích chính của nghiên cứu này là xem xét các loại rủi ro mà ngân hàng Vietin hiện tại đang phải đối mặt, và các hoạt động và kỹ thuật để quản lý rủi ro mà ngân hàng đang sử dụng.

Các vấn đề sau đây đã được nghiên cứu:

1) Đội ngũ quản lý hiểu và thực hiện quản lý rủi ro ở mức độ nào?

2) Những công cụ và kỹ thuật đang dùng nào là hiệu quả nhất cho việc quản lý rủi ro?

3) Các ngân hàng Vietin có nhận thức được những rủi ro có liên quan đến hành động và mục tiêu của mình không?

4) Hiệp ước Basel II hỗ trợ hay cản trở việc quản lý rủi ro giữa các ngân hàng trong Vietin?

1.3. Phạm vi nghiên cứu

Khi đưa ra các câu hỏi khảo sát, cần phải sử dụng các phương pháp khác nhau để trả lời chúng một cách thỏa đáng.

Khi xác định được đội ngũ quản lý của ngân hàng hiểu và thực hiện quản lý rủi ro ở mức độ nào, cần phải sử dụng một tài liệu tham khảo và phân tích về Hiệp ước Basel II để xác định các khái niệm có thể có về quản lý rủi ro, và sau đó sử dụng bảng câu hỏi để xác định mức độ mà các nhà quản lý ngân hàng ở Vietin hiểu những định nghĩa khác nhau về rủi ro tiềm năng. Cũng cần phải xem xét Hiệp ước Basel II đã ảnh hưởng đến quản lý rủi ro tại Vietinbank như thế nào.

Còn về việc công cụ nào là hiệu quả nhất để quản lý rủi ro, cần phải chấp nhận rằng câu hỏi này không thể được trả lời một cách chắc chắn vì tính đa dạng và phức tạp của rủi ro. Như vậy, tốt hơn hết là tác giả điều tra một số loại rủi ro chính và làm thế nào để khắc phục chúng, qua đó xác định các đặc điểm của một hệ thống quản lý rủi ro lý tưởng.

Cuối cùng, xác định xem các ngân hàng Vietin Đồng Nai có nhận thức được những rủi ro có liên quan đến hành động và mục tiêu của mình không thông qua bảng câu hỏi khảo sát. Thật không may, điều này có thể phụ thuộc vào ý kiến chủ quan của đáp viên, ví dụ như họ không nhận thức được những rủi ro, rủi ro tiềm ẩn, và do đó lĩnh vực này đã được nghiên cứu sâu hơn thông qua việc nghiên cứu tài liệu.

Tương tự như vậy, câu hỏi thứ tư là tùy thuộc vào ý kiến chủ quan của đáp viên, như các nhà quản lý có thể xem Basel II như là một sự phức tạp, trong khi không thấy được lợi ích gì mà nó mang lại.

1.4. Thực Trạng Tại Ngân Hàng Vietin Đồng Nai

1.4.1. Sơ lược về ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Ngân hàng Công thương Việt Nam được thành lập ngày 26/03/1988, với tên gọi tắt ban đầu là IncomBank, là một trong những NHTM nhà nước hoạt động lâu đời và có uy tín. Ngày 15/04/2008 IncomBank đã đổi tên gọi tắt thành VietinBank với phương châm hoạt động là nâng giá trị cuộc sống. Trải qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển, đến nay VietinBank có mạng lưới hoạt

động được phân bổ rộng khắp trên 63 tỉnh, thành phố trong cả nước, bao gồm 01 Hội sở chính; 03 Sở giao dịch; 152 Chi nhánh; 886 Phòng giao dịch; 56 Quỹ tiết kiệm; 05 Văn phòng đại diện; 04 Công ty con bao gồm Công ty cho thuê tài chính, Công ty cổ phần chứng khoán ngân hàng Công thương (VietinbankSC), Công ty bất động sản và đầu tư tài chính ngân hàng Công thương Việt Nam và Công ty bảo hiểm ngân hàng Công thương Việt Nam; 03 đơn vị sự nghiệp bao gồm Trung tâm thẻ, Trung tâm công nghệ thông tin, Trường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Tháng 07/2009, việc cổ phần hóa thành công đã đánh dấu bước ngoặt mới cho VietinBank trong lịch sử hoạt động của mình. Điều đó không đơn thuần là việc thay đổi hình thức sở hữu mà là một thuận lợi để VietinBank cải thiện lại điều kiện quản trị và tăng năng lực hoạt động.

1.4.2. Sơ lược về các chi nhánh ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Trong phạm vi bài báo cáo, tác giả xin được gọi hệ thống các chi nhánh ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là ngân hàng Vietin Đồng Nai.

Tính đến 30/06/2014, tỉnh Đồng Nai hiện đã có 03 chi nhánh ngân hàng TMCP Công thương đang hoạt động đó là:

Chi nhánh Đồng Nai được thành lập vào ngày 01/07/1988 trên cơ sở hợp nhất ngân hàng Thành phố Biên Hòa và ngân hàng KCN. Quy mô hoạt động của chi nhánh gồm có 07 phòng nghiệp vụ, 04 phòng giao dịch và 05 quỹ tiết kiệm, với tổng số CB.CNV là 135 người.

Chi nhánh KCN Biên Hòa được thành lập theo Quyết định số 33/NHCT-QĐ ngày 23/06/1988 của Tổng giám đốc NHCT Việt Nam. Quy mô hoạt động của chi nhánh gồm có 07 phòng nghiệp vụ, 02 phòng giao dịch và 04 quỹ tiết kiệm, với tổng số CB.CNV là 45 người.

Chi nhánh Nhơn Trạch được thành lập theo Quyết định số 085/HĐQT-NHCT1 ngày 20/02/2003 của Chủ tịch HĐQT NHCT Việt Nam. Quy mô hoạt động của chi nhánh gồm có 05 phòng nghiệp vụ, 02 phòng giao dịch và 01 quỹ tiết kiệm, với tổng số CB.CNV là 45 người.

Cả 03 chi nhánh ngân hàng Vietin Đồng Nai đều nằm trong địa bàn vùng kinh tế trọng điểm của phía Nam, là nơi tập trung nhiều KCN của tỉnh, là điều kiện thuận lợi để các chi nhánh mở rộng quy mô hoạt động và tăng trưởng lợi nhuận

Trong số 03 chi nhánh ngân hàng Vietin trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thì có 2 chi nhánh đóng tại khu tập trung dân cư (là chi nhánh Đồng Nai và chi nhánh KCN Biên Hòa) nên việc huy động vốn từ dân cư tương đối là thuận lợi hơn so với chi nhánh còn lại là chi nhánh Nhơn Trạch. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh giành thị phần giữa các NHTM, các ngân hàng nước ngoài, các TCTD khác trên địa bàn tỉnh và Thành phố Hồ Chí Minh ngày càng trở nên gay gắt, quyết liệt hơn. Nhưng với tinh thần vượt khó và năng động của toàn thể cán bộ công nhân viên của các chi nhánh VietinBank trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, các chi nhánh đã không ngừng mở rộng HĐKD của mình, luôn đạt chỉ tiêu của ngành đề ra và đồng thời luôn có sự tăng trưởng qua các năm.

1.4.3. Thực trạng quản lý rủi ro tại ngân hàng Vietin Đông Nai

❖ Rủi ro tác nghiệp:

Kể từ năm 2013, ngân hàng tuyển chuyên viên về quản lý rủi ro nhằm tham mưu cho từng chi nhánh với bảng mô tả công việc như sau:

Lập kế hoạch và tổ chức triển khai các công việc của mảng Tuân thủ/PCRT/PCGL, tham mưu các cấp quản lý, chiến lược phát triển trong năm

Cập nhật, nắm bắt các chủ trương chính sách, cơ chế, luật pháp của NHNN, Bộ Ban ngành trong nước cũng như nước ngoài mà Chi nhánh NHCT hoạt động đảm bảo NHCT tuân thủ theo thông lệ tốt nhất

Xây dựng văn hóa QLRRHĐ, PCRT trong toàn hệ thống; hiện đại hóa công tác Quản lý tuân thủ/PCRT/PCGL: xây dựng, phát triển hệ thống, công cụ hỗ trợ công tác PCRT/TTKB; lập đề án, báo cáo đầu tư/ báo cáo nghiên cứu khả thi, đầu mối triển khai các hệ thống quản lý, hệ thống phục vụ nghiệp vụ mới tại NHCT.

1.5. HIỆP ƯỚC BASEL II VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG

Hiệp ước Basel là hiệp ước quốc tế về tiêu chuẩn an toàn vốn, được ban hành bởi Ủy ban giám sát ngân hàng (Ủy ban Basel). Với mục đích tăng cường toàn cầu hóa quản trị tài chính cũng như khác thác tối đa tiềm năng lợi nhuận và hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng (TCTD), Hiệp ước này được rất nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt

Nam ứng dụng vào hệ thống quản trị rủi ro tại các ngân hàng.

1.5.1. Bối cảnh ra đời

Dù được xem là bước đột phá trong công tác quản trị rủi ro tại các NHTM nhưng Basel I đã bộc lộ nhiều yếu điểm của mình trong bối cảnh hệ thống ngân hàng trên thế giới phát triển ngày càng mạnh mẽ với những tiến bộ vượt bậc.

Trước yêu cầu cải tiến toàn diện trong việc xây dựng các chuẩn mực quốc tế về quản trị rủi ro và giám sát hoạt động ngân hàng, Hiệp ước Basel II ra đời như là một phiên bản tiên tiến hơn với mục đích nâng cao chất lượng và sự ổn định của hệ thống ngân hàng quốc tế, giúp các ngân hàng này khai thác tối đa tiềm năng lợi nhuận và hạn chế rủi ro.

Basel II có khả năng áp dụng cho các ngân hàng và tổ chức trên cơ sở hợp nhất hoặc sáp nhập. Nói cách khác, Hiệp ước này nhằm bảo toàn vốn tốt nhất cho các ngân hàng có nhiều công ty con hoặc chi nhánh. Đối với các ngân hàng chưa đáp ứng các cấp độ về tập đoàn ngân hàng, có hoạt động quốc tế hoặc trên cơ sở hợp nhất, sáp nhập mà Basel II đề ra thì sẽ có 3 năm để chuẩn bị và chịu sự kiểm tra thường xuyên của các giám sát viên.

Một cách tổng quát, lộ trình áp dụng Hiệp ước Basel II trải qua các mốc thời gian như sau:

Tháng 6/1999: Basel II được đề xuất với chương trình tư vấn lần thứ nhất.

Tháng 1/2001: Chương trình tư vấn lần thứ hai.

Cuối tháng 5/2001: Thời hạn cuối cùng để các đơn vị gửi ý kiến.

Cuối năm 2001: Phiên bản Basel II chính thức được ban hành.

Tháng 4/2003: Chương trình tư vấn lần thứ ba.

Cuối năm 2003: Phiên bản mới của Hiệp ước vốn được hoàn thiện.

Cuối năm 2004: Hoàn tất việc triển khai và hướng dẫn Basel II.

Cuối năm 2006: Áp dụng đầy đủ trong các ngân hàng đáp ứng được tiêu chuẩn (tại các quốc gia thuộc khối OECD).

1.5.2. Những cải tiến trong Hiệp ước Basel II

Hiệp ước Basel II hoàn thiện việc xác định tỉ lệ an toàn vốn, khuyến khích các NHTM áp dụng biện pháp quản trị rủi ro tiên tiến hơn. Theo đó, các ngân hàng có nhiều sự lựa chọn và được trao cho quyền tự quyết rất lớn trong công tác giám sát hoạt động.

Basel II được cấu trúc theo 3 trụ cột: Quy định về vốn tối thiểu, Công tác giám sát hoạt động ngân hàng và Minh bạch thông tin.

1.5.3. So sánh hai phiên bản Hiệp ước Basel I và II

Có thể nói, so với Basel I, Hiệp ước Basel II cung cấp các giải pháp xác định tỉ lệ an toàn vốn tối thiểu hoàn thiện hơn với mục đích khắc phục các hạn chế của phiên bản đầu tiên, đồng thời khuyến khích các NHTM áp dụng các phương

pháp tiên tiến hơn trong hệ thống quản trị rủi ro.

Những sửa đổi, bổ sung cơ bản của Basel II so với Basel I bao gồm.

Trong khi Hiệp ước Basel I chỉ tập trung vào một giải pháp quản lý rủi ro duy nhất là “yêu cầu vốn tối thiểu” thì Basel II quan tâm nhiều hơn vào các phương pháp đánh giá nội bộ của ngân hàng, hoạt động thanh tra, giám sát, qua đó làm tăng quyền lực của các nhà quản lý quốc gia.

Basel II đề cập thêm rủi ro hoạt động trong việc xác định mức vốn an toàn tối thiểu 8% bên cạnh rủi ro tín dụng và rủi ro thị trường như trong Basel I;

Basel II cung cấp nhiều phương pháp tính toán vốn yêu cầu hơn với một hệ thống đo lường phức tạp hơn, do đó có khả năng đánh giá mức độ an toàn vốn với độ chính xác cao hơn;

Các ngân hàng được trao cho quyền tự quyết rất lớn trong công tác giám sát hoạt động. Đối với rủi ro tín dụng, trong khi Basel I đưa ra một phương pháp chung thì Basel II đề xuất 2 cách xác định vốn tối thiểu như là các lựa chọn: Phương pháp chuẩn và phương pháp nội bộ (như đã nêu ở các mục trước).

Basel II phân định rủi ro dựa trên mức xếp hạng tín nhiệm, qua đó đề cao vai trò của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập.

Bảng 1: Những điểm khác biệt căn bản giữa Basel I và Basel II

Basel I	Basel II
Tỉ lệ vốn an toàn tối thiểu bắt buộc: 8%, trong đó mẫu số chỉ gồm rủi ro tín dụng.	Tỉ lệ vốn an toàn tối thiểu là 8%, mẫu số gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, và rủi ro thị trường.

Chỉ tập trung vào việc đối phó với rủi ro tín dụng.	Ngoài việc bổ sung rủi ro hoạt động còn đề cập đến quy định về thanh tra giám sát và minh bạch thông tin.
Chỉ có một phương pháp duy nhất, được áp dụng cho tất cả các trường hợp.	Cung cấp nhiều giải pháp linh động hơn cho các ngân hàng, hướng đến việc quản trị rủi ro hiệu quả hơn.
Hệ thống đo lường đơn giản.	Hệ thống đo lường phức tạp.
Phạm vi áp dụng chỉ giới hạn ở các kiểu mẫu ngân hàng đơn thuần túy.	Các ngân hàng và các công ty mẹ có thể ứng dụng Basel II trong công tác quản trị rủi ro.

1.5.4. Việc ứng dụng Hiệp ước Basel tại các quốc gia trên thế giới

Đối với các NHTM ở 30 nước thuộc khối OECD, thời hạn chậm nhất được quy định để áp dụng toàn bộ Hiệp ước Basel II là cuối năm 2006. Tuy nhiên, theo báo cáo của Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB), tại thời điểm trên, chỉ có khoảng 20% ngân hàng tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực của Basel.

Ở Mỹ - một trong những quốc gia có thế mạnh và tiềm lực tài chính rất lớn, có nhiều điểm khác biệt trong ứng dụng Basel II so với các quốc gia khác: Vào giữa năm 2008, Basel II mới được áp dụng ở một số TCTD. Bốn cơ quan liên quan đến việc thực hiện và ứng dụng Basel II là Cơ quan kiểm soát tiền tệ, Tổ chức hệ thống dự trữ liên bang, Cơ quan kiểm soát tiền gửi, Tập đoàn bảo hiểm tiền gửi. Các cơ quan này phân loại 3 nhóm ngân hàng sau:

Core Banks: Gồm 8 ngân hàng có tổng tài sản hợp nhất từ 250 tỷ USD trở lên và có bảng cân đối tài sản hoạt động chi nhánh nước ngoài từ 10 tỷ USD trở lên. Các ngân hàng này buộc phải sử

dụng phương pháp nâng cao để đánh giá rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động.

OPT-In Banks: Bao gồm các ngân hàng được khuyến khích áp dụng phương pháp nâng cao trong đánh giá rủi ro.

General banks: Gồm các ngân hàng chỉ áp dụng phương pháp đơn giản trong việc đánh giá rủi ro (có khoảng 6.500 ngân hàng với quy mô vừa và nhỏ thì dự kiến sẽ đồng thời vừa áp dụng Basel I, vừa duy trì theo Basel II đến khi nào đạt được tiêu chuẩn của Basel II).

Tại một số quốc gia phát triển như Hàn Quốc, Nhật Bản hay Úc, tất cả các ngân hàng đã ứng dụng hiệp ước Basel II vào hệ thống quản trị rủi ro của họ vào năm 2007. Singapore, Hồng Kông, Đài Loan... thuộc nhóm các nước phát triển tương đối mạnh trong khu vực Châu Á cũng đã áp dụng các phương pháp chuẩn, phương pháp cơ bản từ cuối năm 2006 và các phương pháp nâng cao vào cuối năm 2007. Ở các nước thuộc khu vực Đông Nam Á như Thái Lan, Philipines, Malaysia và

Indonesia, thời điểm triển khai áp dụng Basel II là cuối năm 2008.

Cuối năm 2007, Trung Quốc hoàn thành việc áp dụng toàn bộ các chuẩn mực của Basel I về đánh giá rủi ro tín dụng. Ngược lại với xu thế chung của các quốc gia đã ứng dụng Hiệp ước Basel, các ngân hàng ở Trung Quốc chọn một phương hướng khác là áp dụng Basel theo chuẩn mực 1,5; nói cách khác, họ kết hợp các chuẩn mực trong Basel I với quy tắc 2 và 3 trong Basel II. Như vậy, vào thời điểm cuối năm 2008, quốc gia này không sử dụng bất cứ phương pháp đánh giá rủi ro tín

dụng mới nào được giới thiệu trong Basel II.

Theo báo cáo của Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (BIS) về tiến trình áp dụng Hiệp ước Basel, tính đến tháng 3 năm 2014, các thành viên của Ủy ban Basel đã hoàn thành việc ứng dụng Hiệp ước Basel II vào hệ thống quản trị rủi ro và đang trong quá trình áp dụng Basel 2,5 và Basel III. Trong đó, nhiều quốc gia đã đáp ứng nội dung liên quan đến tiêu chuẩn về vốn dựa trên rủi ro được quy định trong Hiệp ước Basel III như: Mỹ, Argentina, Úc, Brazil, Canada...

Bảng 2. Tình hình ứng dụng Hiệp ước Basel của một số quốc gia Châu Á đến tháng 3/2014

Quốc gia	Basel II	Basel 2,5	Basel III (Vốn dựa trên rủi ro)
Trung Quốc	Đã hoàn thành	Đã hoàn thành	Đã hoàn thành
Hồng Kông	Đã hoàn thành	Đã hoàn thành	Đã hoàn thành
Ấn Độ	Đã hoàn thành	Đã hoàn thành	Đã hoàn thành
Indonesia	Đã hoàn thành	Đang trong giai đoạn tiến hành: Các tài liệu tư vấn về Basel 2.5 đã được ban hành vào năm 2013 để lấy ý kiến.	Đã hoàn thành
Nhật Bản	Đã hoàn thành	Đã hoàn thành	Đang trong giai đoạn tiến hành. Các quy định dự kiến được ban hành vào năm 2014 hoặc 2015.
Hàn Quốc	Đã hoàn thành	Đã hoàn thành	Đã hoàn thành: -Những quy định về yêu cầu vốn tối thiểu có hiệu lực từ ngày 1/12/2013 -Những yêu cầu về việc minh bạch thông tin có hiệu lực từ 31/12/2013

Singapore	Đã hoàn thành	Đã hoàn thành	Đã hoàn thành
-----------	---------------	---------------	---------------

Nguồn: Progress report on implementation of the Basel regulatory framework, T4/2014, trg.4

Trong báo cáo này, Trung Quốc là quốc gia Châu Á duy nhất được đánh giá là đã tuân thủ chặt chẽ các quy định về vốn của Hiệp ước Basel III khi đã áp dụng gần như toàn bộ các chuẩn mực liên quan đến vốn dựa trên rủi ro.

Như vậy, so với các quốc gia phát triển ở Châu Á và một số quốc gia khác trong khu vực Đông Nam Á, lộ trình ứng dụng Hiệp ước Basel nói chung và Basel II nói riêng của Việt Nam còn rất chậm. Trong khi các quốc gia này đã hoàn toàn áp dụng các chuẩn mực của Basel II và đang dần tiếp cận Basel III để quản trị rủi ro và giám sát hoạt động ngân hàng thì các NHTM Việt Nam mới chỉ dừng lại ở việc áp dụng một số quy tắc trong Hiệp ước Basel I mà chưa đề cập nhiều đến Basel II.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. PHƯƠNG PHÁP LUẬN

2.1.1. Giới thiệu

Để xem xét liệu Ban quản lý của Vietin hiểu được ý nghĩa quản lý rủi ro ở mức độ nào, cần phải xác định toàn bộ các kỹ thuật và chiến lược quản lý rủi ro khác nhau để xác định các định nghĩa tiềm năng cho quản lý rủi ro. Ngoài ra, các công cụ và kỹ thuật khác nhau được chỉ ra trong phần này được bảo hiểm bao gồm cả giá trị khi phân tích rủi ro (Leong, 1996), bảo hiểm rủi ro (Abraham, 2008), đa dạng hóa (Oldfield và Santomero, 1997), và giảm thiểu rủi ro (Carey, 2001). Các tài liệu này góp phần củng cố và tích hợp tất cả các công cụ, để tạo thành một chiến lược quản lý rủi ro toàn diện.

2.1.2. Hiệp ước Basel II và quản trị rủi ro trong ngân hàng

Hiệp ước Basel II dự định để cải thiện một cách tích cực các yêu cầu của Basel I, bằng cách lợi dụng sự lan truyền nhanh chóng qua các ngành công nghiệp tài chính kể từ Hiệp ước Basel I (Das, 2007). Một phần quan trọng của sự cải thiện này là yêu cầu các ngân hàng phải tuân thủ các đòi hỏi chất lượng khác nhau nhằm giảm bớt mức độ rủi ro hoạt động và rủi ro quản trị. Những cải tiến này đã vượt ra ngoài các phương thức truyền thống và hướng tới việc tạo ra một văn hóa gia tăng việc giảm nhẹ rủi ro, kết hợp với việc sử dụng một loạt các mô hình và tạo ra các mức độ minh bạch cao hơn. Để đạt được điều này, nhiều trách nhiệm đã được phân cấp cho người giám sát ngân hàng, những người đã tư vấn để đảm bảo rằng tài sản cơ sở được bảo lãnh tốt cũng như cung cấp cả ưu đãi và kết quả nhằm đảm bảo hoạt động quản lý rủi ro (McLaughlin, 2008). Một khía cạnh khác của sự vận hành Basel II một cách thành công đó là sự cần thiết để các ngân hàng hiệu quả hơn trong việc theo dõi và cập nhật xếp hạng rủi ro mà ngân hàng chấm cho khách hàng vay, để đảm bảo quản lý và đánh giá rủi ro liên tục (Paletta, 2004).

Những thay đổi quy định của ngân hàng được báo trước như là một bước rất tích cực, với Wellink (2008) tuyên bố rằng chúng sẽ giúp các ngân hàng chuẩn bị tốt hơn cho thử thách và điều kiện thị trường khắc nghiệt. Điều này chủ yếu là do thỏa thuận thiết lập các

ưu đãi và kết quả chính xác để giảm chấp nhận rủi ro, với các yêu cầu về vốn tối thiểu là vừa có độ nhạy cảm rủi ro cao và có thể nắm bắt tất cả các loại rủi ro khác nhau. Như vậy, chúng đã giúp khuyến khích các hoạt động quản lý rủi ro, cũng như tăng cường mức độ tổng thể của nguyên tắc thị trường. Tuy nhiên, sự phân tích hiệp ước của Chatterjee (2007) chỉ ra rằng, mặc dù có những lợi ích tiềm năng, nó cũng thực sự tạo ra một số kết quả tiêu cực, cụ thể tăng hồ sơ rủi ro của ngành ngân hàng nói chung. Đặc biệt, sự so sánh các nhóm tương đồng về hồ sơ rủi ro sẽ không đại diện một sự so sánh chính xác, ngân hàng khác nhau sẽ có xu hướng sử dụng các mô hình khác nhau để đánh giá hồ sơ rủi ro của họ (Chatterjee, 2007).

Thêm vào đó, đã có những lời chỉ trích nhằm vào trọng các quy tắc vốn liên quan tới Hiệp ước Basel II. Fournier và cộng sự (2008) tranh luận rằng cho rằng các quy tắc an toàn vốn sẽ thực sự có xu hướng làm trầm trọng thêm các chu kỳ thị trường, do vậy vừa khuyến khích tăng trưởng kinh tế và cả sự đổ vỡ.

Điều này là do lợi nhuận trong một thị trường tăng nhanh sẽ làm tăng vốn điều lệ khuyến khích cho vay bổ sung, trong khi đó trong một thị trường đang đi xuống sự ghi giảm tài sản sẽ làm giảm vốn điều lệ tạo ra một chu kỳ thu hẹp tín dụng. Như vậy, Fournier và cộng sự (2008) cho rằng ủy ban Basel cũng nên áp đặt các hạn chế tỷ lệ đòn bẩy để hỗ trợ các yêu cầu an toàn vốn nhạy cảm với rủi ro nhiều hơn để tạo ra các quy định đầy đủ hiệu quả. Một chỉ trích quan trọng khác là Basel II đã tạo

ra động lực lớn cho sự dịch chuyển của rủi ro từ ngân hàng tới các tổ chức không chính qui như các quỹ đầu tư. Điều này góp phần vào cuộc khủng hoảng thanh khoản thắt chặt tín dụng bằng cách cho quỹ đầu tư nhiều vốn hơn với mức độ cao hơn nhiều của các rủi ro đạo đức (Wood, 2007). Wood (2007) cũng lưu ý rằng hiệp ước này đã bị chỉ trích vì nó gây hậu quả trong việc các ngân hàng đưa ra quá nhiều nỗ lực để duy trì tuân thủ, và do đó làm mất tập trung các ngân hàng trong việc thực hiện quản lý rủi ro thực sự.

Ngoài ra, với các vấn đề về các nguyên tắc và yêu cầu của hiệp ước, Herring (2007) cho rằng nhiều ngân hàng đã gặp phải vấn đề nghiêm trọng khi cố gắng thực hiện Basel II do cấu trúc của phương pháp này. Điều này là vì nhiều lý do, một trong số đó là do hiệp ước đã không xem xét bất bình đẳng cạnh tranh tồn tại trong một số thị trường ngân hàng phát triển. Điều này dẫn đến thấp hơn và có thể nhiều hơn chi phí vốn biến được dự kiến ban đầu cho nhiều ngân hàng, làm giảm tác động của hiệp ước. Cuối cùng, một số ngân hàng thể hiện sự ưa thích một sự đơn giản hơn, phương pháp tiếp cận được tiêu chuẩn, trong khi một số khác theo phương pháp đánh giá chi tiết nội bộ, làm suy yếu sự gắn kết của hiệp ước và do đó cả hiệu quả của nó. Điều này đã dẫn đến sự tranh luận rằng đã có thể đạt được những cải tiến tương đương hoặc cao hơn quy định quản lý rủi ro trong khi phải gánh chịu chi phí tuân thủ thấp hơn và giảm sự không chắc chắn về tác động đối với sự ổn định tài chính tổng thể (Herring, 2007).

Ngoài ra, Das (2007) đã xác định một số vấn đề tương quan đã phát sinh trong quá trình thực hiện Hiệp ước Basel II. Chúng bao gồm thực tế là khi nhà điều hành điều chỉnh mối tương quan giá trị tài sản mà không có một tiết cụ thể họ có thể làm tăng rủi ro nhượng quyền thương mại tổng thể. Ngoài ra, sự mất phối bộ rủi ro tín dụng có xu hướng nhạy cảm hơn với những giả định tương quan rằng các sự phân bổ rủi ro thị trường, có khả năng gây ra lỗi lớn trong yêu cầu về vốn. Điều này được cho là kết quả của một thực tế rằng hiệp ước này không nhận ra rằng rủi ro tín dụng có thể phụ thuộc vào bốn mối tương quan khác nhau không chỉ là một. Các vấn đề khác xảy ra trong phân tích pháp lý về nguy cơ đuôi, cũng như biến dạng của giá trị rủi ro từng năm do chu kỳ. Điều này có nghĩa rằng hiệp ước Basel II để lại nhiều rủi ro đã không được giám sát, và những điều này phải được giải quyết bằng các phương pháp quản lý rủi ro nội bộ của ngân hàng (Das, 2007).

Một vài vấn đề đã được xác định và giải quyết bởi Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng, gần đây xuất bản một tài liệu về chi phí rủi ro gia tăng (Sawyer, 2009). Bài viết này được dẫn bởi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, và sự bất lực của các hiệp ước hiện có để kiểm soát hoặc ngăn chặn nó. Như vậy, nhiều trong số các đề xuất từ các tài liệu đề cải thiện hoạt động quản lý rủi ro trong ngân hàng, cũng như giải quyết các vấn đề tập trung rủi ro và chứng khoán hóa đã được xác định. Bài viết cũng chỉ trích việc thực hiện kiểm soát rủi ro ngân hàng trước đây và ngân hàng trung ương, bài viết chỉ ra rằng Ủy

ban có thể sớm xem xét để điều chỉnh những điều này (Sawyer, 2009).

Như thảo luận ở trên, một trong những lời chỉ trích nhằm vào hiệp ước Basel II bởi Das (2007) và những người khác là giá trị rủi ro một năm phụ thuộc vào sự biến dạng của chu kỳ một cách đáng kể. Một nghiên cứu gần đây của Sjolander (2009) đã chứng minh rằng các giá trị này với sự dự đoán rủi ro sẽ thực sự chính xác hơn khi thời gian ước tính ít hơn một năm được sử dụng, đòi hỏi bởi vì liên quan tới thông tin bị lỗi thời và bị loại bỏ khá nhanh bởi thị trường. Điều này ngụ ý rằng yêu cầu một năm có thể là một nguồn gốc của thị trường biến dạng, và có thể được loại bỏ mà không có bất kỳ rủi ro gia tăng từ bất ổn tài chính (Sjolander, 2009).

Cuối cùng, điều quan trọng là phải xem xét làm thế nào các hiệp ước Basel II liên hệ đến ngân hàng Vietin, là một thay thế cho ngân hàng thông thường, đặc biệt là ở Trung Đông. Một trong những vấn đề quan trọng của các ngân hàng Vietin, tìm kiếm sự phù hợp theo hiệp ước Basel II là sự cần thiết phải tuân thủ các nguyên tắc (Pillar) 1: các yêu cầu về an toàn vốn. Chúng được dùng để nắm bắt các loại rủi ro mà các ngân hàng thường phải đối mặt, và do đó thường thất bại để giải quyết các rủi ro cụ thể đối mặt bởi các ngân hàng Vietin. Một nghiên cứu của Ariss và Saredidine (2007) xác định các vấn đề quan trọng liên quan đến những rủi ro cụ thể phát sinh từ các hoạt động của các tổ chức tài chính Vietin, trong đó phần lớn được bỏ qua bởi Basel II và các quy định quốc tế khác. Như vậy, có một số thách thức mà Ủy ban Basel và

các cơ quan khác sẽ cần phải vượt qua để giải quyết các loại rủi ro cho ngân hàng và các tổ chức tài chính Vietin (Ariss và Sarieddine, 2007).

3. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ

Tác giả không công bố cụ thể các chỉ số định lượng thông qua phân tích thống kê vì lý do hạn chế nội dung, chi tiết cụ thể 42 câu hỏi khảo sát ở phần phụ lục bài báo này, các file dữ liệu chạy chi tiết được kiểm chứng mô hình và phân tích dưới dạng bảng biểu. Tác giả tập trung vào phân tích nội dung các câu hỏi định tính cung cấp thêm thông tin chi tiết về vai trò đối với rủi ro quản lý ở Vietinbank và cách nó được giải quyết. Nói chung, các ngân hàng cho rằng khái niệm quản lý rủi ro là một phần cốt lõi của bất kỳ tổ chức tài chính nào. Tuy nhiên, lập luận này phần nào bị tắt bởi quan điểm của quản lý rủi ro, với phần lớn tập trung hoàn toàn vào việc xác định, đo lường, giám sát và kiểm soát rủi ro và rủi ro tiềm ẩn. Điều này ngụ ý một cách tiếp cận hoạt động để quản lý rủi ro, thay vì hơn là một cách tiếp cận chiến lược, với nhiều ngân hàng không xem xét sự cần thiết phải thực hiện chiến lược các phương pháp tiếp cận như đa dạng hóa và chuyển giao rủi ro như một phần của quản lý rủi ro toàn diện chiến lược. Ngoài ra, khẩu vị rủi ro của hội đồng quản trị và cổ đông hiếm khi đã đề cập, một lần nữa chỉ ra rằng quản lý rủi ro có thể không phù hợp ở cấp chiến lược. Về những rủi ro mà các ngân hàng Vietinbank phải đối mặt trong tình hình hiện tại, bằng chứng

chỉ ra rằng các ngân hàng không phải đối mặt với mức độ rủi ro như các đối tác phương Tây của họ do ít tiếp xúc

toàn cầu. Điều này được hỗ trợ bởi các câu trả lời cho Phần 3, cũng như thực tế là rủi ro tỷ giá hối đoái được coi là ít trọng yếu hơn so với ba rủi ro chính.

Do đó, nhiều rủi ro mà các ngân hàng Vietinbank phải đối mặt trong điều kiện khí hậu hiện tại là tiêu chuẩn rủi ro giao dịch, bao gồm rủi ro liên quan đến chứng khoán hóa, các sản phẩm phái sinh và các rủi ro khác công cụ. Tuy nhiên, bằng chứng từ các cuộc điều tra không ủng hộ lập luận rằng các ngân hàng cũng gặp vấn đề tương tự với việc xác định rủi ro nằm ở đâu trong các chuỗi giao dịch chính, và đối tác nào trong chuỗi cuối cùng sẽ chịu những rủi ro đã nêu. Điều này tương tự như các ngân hàng đa quốc gia đã đầu tư vào các khoản thế chấp dưới chuẩn, mặc dù ở Việt Nam những rủi ro dường như không được vật chất hóa trên cùng một quy mô. Tuy nhiên, một rủi ro rất cụ thể mà một nghiên cứu về Quản lý Rủi ro trong Ngành Ngân hàng Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất - Shaima Al Hussiny các ngân hàng đang phải đối mặt với việc họ đang đấu tranh để có được các nguồn lực có kỹ năng cần thiết để triển khai các thực hành nghiên cứu hiệu quả hơn. Điều này một lần nữa được hỗ trợ bởi sự tập trung vào tuyển dụng những người có kỹ năng là một khía cạnh quan trọng của chiến lược quản lý rủi ro của ngân hàng.

4. KẾT LUẬN & GIẢI PHÁP

4.1. KẾT LUẬN

Dựa vào phân tích nghiên cứu ở chương trước, ta thấy việc quản lý rủi ro và ứng dụng Hiệp ước Basel II vào quản lý rủi ro tại ngân hàng Vietin Đông Nai tuy đã có hệ thống cơ sở nhưng vẫn còn gặp một vài hạn chế

trong nhận thức và kỹ thuật. Qua tìm hiểu, tác giả nhận biết được các khó khăn trong việc ứng dụng Hiệp ước Basel II tại ngân hàng Vietin Đồng Nai như sau:

Nội dung phức tạp, chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể.

Yêu cầu về vốn cao.

Chi phí thực hiện lớn.

Chưa xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu.

Vấn đề về chất lượng nguồn nhân lực.

Thiếu những tổ chức xếp hạng tín dụng chuyên nghiệp.

Hạn chế trong năng lực giám sát.

4.2. GIẢI PHÁP

Qua đó, tác giả xin trình bày một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc ứng dụng Hiệp ước Basel II vào hệ thống quản trị rủi ro của Vietinbank Đồng Nai.

4.2.1. Tăng sức mạnh tài chính

Sức mạnh tài chính là nhân tố quyết định năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh của ngân hàng. Yếu tố then chốt trong việc nâng cao sức mạnh tài chính của toàn hệ thống ngân hàng là giảm bớt số lượng các TCTD không đáp ứng nhu cầu vốn tối thiểu theo quy định của NHNN, đồng thời tăng số lượng các ngân hàng có quy mô vốn lớn và hoạt động hiệu quả. Một số giải pháp có thể kể đến là: Ngân hàng thông qua việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu để huy động vốn; khẩn trương xử lý dứt điểm nợ tồn đọng và xây dựng cơ chế ngăn chặn sự gia tăng nợ xấu mới, góp phần làm lành mạnh hóa tình hình tài

chính, nâng cao khả năng cạnh tranh và chống rủi ro.

4.2.2. Cải tiến quy trình quản lý rủi ro

Hiện nay, công tác quản trị rủi ro của ngân hàng Vietin Đồng Nai vẫn đang trong quá trình xây dựng nên còn bộc lộ nhiều hạn chế, do đó quy trình quản trị rủi ro trong hoạt động của ngân hàng chưa hoàn thiện để quản lý được các rủi ro hiện tại.

Một số đề xuất góp phần cải thiện quy trình quản trị rủi ro là:

Ngân hàng Vietin Đồng Nai cần nghiên cứu xây dựng bộ phận chuyên trách về rủi ro, khi đó công tác quản trị rủi ro sẽ được xem là một hoạt động của ngân hàng chứ không chỉ là hoạt động hỗ trợ. Đồng thời, cần xây dựng và quản lý danh mục rủi ro phù hợp với mức độ chấp nhận rủi ro.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các phòng ban phụ trách quản lý rủi ro để đưa ra các quyết định quản trị một cách đồng bộ, chính xác và hiệu quả.

Hoạt động dự báo đóng vai trò rất quan trọng trong việc quyết định mức độ chấp nhận rủi ro của ngân hàng, do đó việc xây dựng bộ phận hỗ trợ dự báo rủi ro là điều cần thiết đối với ngân hàng Vietin Đồng Nai.

Nâng cao vai trò của hệ thống kiểm toán nội bộ: Hội đồng rủi ro và ban kiểm toán nội bộ cần xây dựng quy trình giám sát phù hợp để có thể ứng phó kịp thời các tình huống bất ngờ xảy ra.

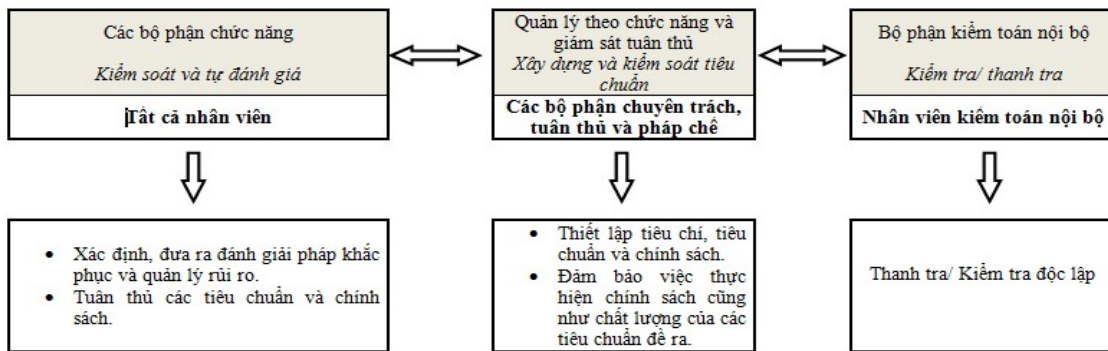
Quy trình kiểm toán nội bộ trong ngân hàng cần được xây dựng đầy đủ các giai đoạn:

Giai đoạn 1 - Lập kế hoạch: Bao gồm các bước thu thập thông tin và lên chương trình kiểm toán.

Giai đoạn 2 - Tiến hành kiểm toán nội bộ: Thực hiện các công việc kiểm toán trong kế hoạch kiểm toán đã được

lập ở bước 1, đồng thời ghi chép hồ sơ kiểm toán một cách đầy đủ và hợp lý.

Giai đoạn 3 - Lập báo cáo kiểm toán nội bộ: Thông báo kết quả kiểm toán nội bộ dưới hình thức báo cáo, trong đó ghi nhận các vấn đề và ý kiến đối với các hoạt động đã được rà soát.



Hình 3: Mô hình quản lý rủi ro 3 cấp độ tại các NHTM

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Giai đoạn 4 - Thực hiện kiến nghị kiểm toán: Tiến hành triển khai thực hiện và theo dõi tình hình thực hiện các kiến nghị đã được nêu trong báo cáo kiểm toán nội bộ để cải thiện quy trình quản trị rủi ro.

Một cách tổng quát, quy trình quản lý rủi ro của ngân hàng Vietin Đồng Nai nên được tiến hành theo mô hình 3 cấp độ:

Phát triển cơ sở hạ tầng thông tin và hoàn thiện hệ thống thông tin

Hiệu quả của quy trình đo lường các loại rủi ro hoàn toàn phụ thuộc vào chất lượng của hệ thống thông tin quản lý, do đó các ngân hàng cần xây dựng hệ thống thông tin đạt tiêu chuẩn.

Để đo lường rủi ro tín dụng, các ngân hàng phải cập nhật đầy đủ các yếu tố: tính chất của khoản tín dụng, thời hạn, lãi suất của hợp đồng, tài sản thế chấp hoặc bảo lãnh... trong hệ thống thông tin của mình. Ngoài ra, mức xếp hạng tín dụng đối với

khách hàng cũng là một yếu tố quan trọng trong việc đánh giá xác suất không trả được nợ, qua đó tính toán mức tổn thất dự kiến. Đối với công tác đo lường rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường, hệ thống thông tin của các ngân hàng phải kết hợp được các dữ liệu từ những giao dịch riêng lẻ thành một hệ thống. Đặc biệt là, việc thu thập dữ liệu về rủi ro thị trường của các ngân hàng cần được xây dựng theo một khung thông nhất để có thể trao đổi chéo giữa các ngân hàng, từ đó xác định tổng thể rủi ro.

Hệ thống thông tin được xây dựng nhằm phục vụ công tác quản trị rủi ro phải đáp ứng được các yêu cầu cơ bản: Có khả năng đo lường giá trị hoạt động hiện tại, tương lai và thông tin lưu trữ phải giúp phân tích chuỗi sự kiện theo trình tự thời gian. Những yêu cầu này cần được đáp ứng ở các cấp độ quy mô ngân hàng khác nhau, các sản phẩm khác nhau và nhóm rủi ro khác nhau.

Bên cạnh đó, ngân hàng Vietin Đồng Nai cần chú trọng hơn nữa vào việc đầu tư công nghệ thông tin phục vụ cho công tác phân tích, đánh giá, đo lường rủi ro, và đặc biệt là tăng cường hệ thống bảo mật và an ninh mạng. Hiện nay, tuy hệ thống bảo mật của ngân hàng Vietin Đồng Nai Việt Nam đã được cải thiện để giảm thiểu tối đa các rủi ro có thể xảy ra nhưng vẫn tồn tại những nguy cơ tiềm ẩn về việc thông tin giao dịch của khách hàng không được đảm bảo. ngân hàng Vietin Đồng Nai nên sử dụng những hệ điều hành tiên tiến về an ninh mạng, gồm nhiều giao thức, lớp bảo mật khác nhau để ngăn chặn việc làm rò rỉ thông tin của khách hàng. Các hệ thống thanh toán trực tuyến với công nghệ mã hóa thông tin hiện đại có thể kể đến là Beamnet, Objective Line (OTL), Transactive (TAS) hiện đang được ngân hàng ANZ Việt Nam sử dụng.

Thêm vào đó, ngân hàng Vietin Đồng Nai Việt Nam cần liên kết với mạng thông tin quốc gia để tạo thế chủ động. Có như vậy, quy trình phân tích, đo lường các rủi ro mới đạt hiệu quả cao nhất, từ đó các ngân hàng có thể đưa ra những biện pháp hạn chế và xử lý rủi ro kịp thời và chuẩn xác.

Hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ

Để tiến hành việc phân loại nợ theo chuẩn quốc tế cũng như có căn cứ chính xác trong việc tính toán rủi ro, ngân hàng Vietin Đồng Nai cần phải tập trung hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Tầm quan trọng của hệ thống này còn thể hiện ở chức năng hỗ trợ cho việc đưa ra các chính sách dự phòng rủi ro, xác định giới hạn tín dụng của khách hàng, xây dựng chiến lược tăng trưởng tín dụng... nhằm đảm bảo tính hiệu quả và phát triển bền vững trong hoạt động tín dụng của các ngân hàng.

Các giải pháp mà ngân hàng Vietin Đồng Nai cần hướng tới bao gồm:

Thứ nhất, hoàn thiện bộ máy tổ chức nhân sự, hướng tới việc quản trị rủi ro tín dụng theo chuẩn mực quốc tế. Các cán bộ thực hiện xếp hạng tín dụng phải chuyên sâu về nghiệp vụ và am hiểu toán kinh tế để có thể ứng dụng các mô hình kinh tế lượng trong phân tích. Ngoài ra, còn phải chú ý đến việc phân quyền chức năng (độc lập và kiểm soát chéo) và tách biệt giữa các vòng kiểm soát (Vòng 1: Đơn vị kinh doanh; Vòng 2: Bộ phận kiểm soát rủi ro; Vòng 3: Bộ phận kiểm toán nội bộ) nhằm đảm bảo tính độc lập, khách quan của công tác xếp hạng tín dụng.

Thứ hai, hoàn thiện phương pháp xếp hạng tín dụng. Việc xếp hạng tín dụng phải căn cứ trên các số liệu thống kê lịch sử của chính ngân hàng cho các đối tượng khách hàng, đồng thời áp dụng các điều chỉnh cần thiết trên cơ sở ý kiến của chuyên gia.

Thứ ba, giám sát việc ứng dụng xếp hạng tín dụng trong hoạt động tín dụng để ngăn ngừa những sai sót, làm sai lệch tình hình thực tế của khách hàng.

Tuy nhiên, để có thể giải quyết tốt các vấn đề trên thì bên cạnh nỗ lực của ngân hàng Vietin Đồng Nai cần có sự hỗ trợ của NHNN và các cơ quan quản lý. Trước hết là NHNN cần nhanh chóng hoàn thiện khung pháp lý đầy đủ hơn để ngân hàng Vietin Đồng Nai có căn cứ thực hiện xếp hạng tín dụng nội bộ; đồng thời đưa ra lộ trình rõ ràng, đảm bảo tất cả các chi nhánh đều phải tuân thủ, qua đó thúc đẩy công tác hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ tại mỗi ngân hàng. Bên cạnh đó, song song với việc xây dựng hệ thống này, Nhà nước cũng nên có chính sách phát triển các đơn vị xếp hạng tín dụng độc lập làm cơ sở

tham chiếu chung trong công tác xếp hạng tín dụng.

Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố then chốt quyết định mức độ hiệu quả trong hoạt động của ngân hàng Vietin Đồng Nai nói riêng và hệ thống các ngân hàng nói chung, đặc biệt là trong công tác quản trị rủi ro vì tính chất phức tạp của nó. Tuy nhiên, vấn đề mà chúng ta thường xuyên gặp phải là thiếu đi đội ngũ chuyên viên có năng lực chuyên môn tốt, am hiểu các vấn đề kinh tế vĩ mô, có khả năng sử dụng các mô hình kinh tế lượng cũng như dự báo và đánh giá các rủi ro.

Hiện ngân hàng Vietin Đồng Nai cũng đã thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cũng như các hội thảo chuyên đề với mục đích nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân viên, nhưng phần lớn chỉ mới tập trung vào các nghiệp vụ cơ bản của ngân hàng như tín dụng hoặc thanh toán... mà chưa chú trọng và đầu tư đúng mức vào công tác quản trị rủi ro. Do đó, vấn đề trước mắt là ngân hàng Vietin Đồng Nai phải được đáp ứng kịp thời nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao. Để làm được điều này, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa ngân hàng Vietin Đồng Nai, Vietin Việt Nam, NHNN cùng với các chuyên gia trong khu vực và quốc tế nhằm xây dựng chiến lược đào tạo trung và dài hạn.

Về vấn đề đào tạo, các trung tâm bồi dưỡng cần được trang bị hiện đại, chương trình đào tạo phải cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế để các nhân viên có thể áp dụng trực tiếp vào công việc quản trị rủi ro của mình. Chế độ đãi ngộ đối với các nhân viên cũng thực sự cần thiết, nhằm tránh xảy ra tình trạng chảy máu chất xám đặc biệt là trong môi trường cạnh tranh hiện nay.

Bên cạnh công tác đào tạo chuyên môn cho đội ngũ nhân sự, ngân hàng Vietin

Đồng Nai cũng cần chú ý đến việc tổ chức các lớp nâng cao đạo đức trong hoạt động kinh doanh ngân hàng. Vụ án lừa đảo, chiếm đoạt tài sản lên đến 4.911 tỷ đồng vừa được đưa ra xét xử ngày 6/1/2014 đối với Huỳnh Thị Huyền Như – nguyên Phó phòng Quản lý rủi ro của Ngân hàng Vietin là bài học cụ thể nhất về những lỗ hổng trong công tác quản trị rủi ro nói chung và rủi ro hoạt động nói riêng của ngân hàng Vietin Đồng Nai hiện nay, qua đó góp phần nâng cao nhận thức của các ngân hàng trong việc đào tạo đội ngũ nhân viên có chuyên môn cũng như đạo đức nghề nghiệp.

Trong báo cáo về việc đổi mới và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng, NHNN xác nhận rằng đang đẩy mạnh triển khai xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể là:

Ban hành quy định mới về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo hướng phản ánh đúng, đầy đủ hơn rủi ro tín dụng, quy định về hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Trong thời gian tới, NHNN sẽ sớm ban hành bộ quy định mới về an toàn hoạt động ngân hàng và quy chế quản trị rủi ro tối thiểu.

Ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể các điều kiện cấp phép và tổ chức hoạt động của các TCTD, quy định về phát triển mạng lưới các TCTD theo hướng thắt chặt điều kiện cấp phép và tổ chức hoạt động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các TCTD.

Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số văn bản pháp luật tạo cơ sở pháp lý hỗ trợ quá trình cơ cấu lại hệ thống các TCTD như các quy định về kiểm soát đặc biệt TCTD, góp vốn, mua cổ phần bắt buộc đối với TCTD được kiểm soát đặc biệt...

Ban hành các quy định về tổ chức và hoạt động của các loại hình TCTD khác như TCTD phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, hợp tác xã... để tạo lập khuôn khổ pháp lý cho hoạt động của từng loại hình theo đúng bản chất hoạt động.

Như vậy, NHNN với vai trò giám sát cần tích cực hướng dẫn, đôn đốc ngân hàng

Vietin Đồng Nai đưa ra các tiêu chuẩn, yêu cầu tối thiểu về hệ thống quản trị rủi ro áp dụng tại ngân hàng, bao gồm hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường. Những yêu cầu tối thiểu này chính là điều kiện tiên quyết giúp cơ quan giám sát Nhà nước chấp thuận việc sử dụng hệ thống quản trị rủi ro tương ứng của ngân hàng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Basel Committee on Banking Supervision, July 1999, ‘Principles For The Management of Credit Risk’, *Bank for international settlements*, truy cập ngày 31/3/2014, <<http://www.bis.org/publ/bcbs54.pdf>>.
- [2] Basel Committee on Banking Supervision, January 2001, ‘Consultative Document – Operational Risk’, *Bank for international settlements*, truy cập ngày 31/3/2014, <<https://www.bis.org/publ/bcbsca07.pdf>>.
- [3] Basel Committee on Banking Supervision, June 2004, ‘International Convergence of Capital Measurement and Capital Standards’, *Bank for international settlements*, truy cập ngày 2/4/2014, <<http://www.bis.org/publ/bcbs107.pdf>>.
- [4] Basel Committee on Banking Supervision, November 2005, ‘Amendment to the Capital Accord to incorporate market risks’, *Bank for international settlements*, truy cập ngày 2/4/2014, <<http://www.bis.org/publ/bcbs119.pdf>>.
- [5] Basel Committee on Banking Supervision, June 2006, ‘International Convergence of Capital Measurement and Capital Standards – A revised Framework’, *Bank for international settlements*, truy cập ngày 2/4/2014, <<http://www.bis.org/publ/bcbs128.pdf>>.
- [6] Basel Committee on Banking Supervision, January 2009, ‘Proposed enhancements to the Basel II framework’, *Bank for international settlements*, truy cập ngày 31/3/2014, <<http://www.bis.org/publ/bcbs150.pdf>>.
- [7] Basel Committee on Banking Supervision, January 2009, ‘Revisions to the Basel II market risk framework’, *Bank for international settlements*, truy cập ngày 31/3/2014, <<http://www.bis.org/publ/bcbs148.pdf>>.
- [8] Basel Committee on Banking Supervision, June 2010, ‘Changes to the Revisions to the Basel II market risk framework’, *Bank for international settlements*, truy cập ngày 31/3/2014, <<http://www.bis.org/publ/bcbs148.pdf>>.
- [9] Basel Committee on Banking Supervision, April 2014, ‘Progress report on implementation of the Basel regulatory framework’, *Bank for international settlement*, truy cập ngày 30/4/2014, <<http://www.bis.org/publ/bcbs281.pdf>>.

- [10] Financial Stability Institute, July 2013, 'FSI Survey – Basel II, 2.5 and III Implementation', *Bank for international settlement*, truy cập ngày 30/4/2014, < <http://www.bis.org/fsi/fsiop2013.pdf>>.
- [11] Jaime Caruana, June 2006, 'The implementation of Basel II', *Bank for international settlement*, truy cập ngày 31/3/2014, < <https://www.bis.org/events/cbcd06f.pdf>>.
- [12] Joel, B 2009, *Risk management in banking*, 3th edn, John Wiley& Sons Ltd, Australia.

APPLICATION OF BASEL II TREATMENT TO THE RISK MANAGEMENT SYSTEM OF THE BANKS IN THE SYSTEM VIETINBANK DONG NAI

Received: November 24, 2021

Revised: January 21, 2022

Accepted: March 15, 2022

ABSTRACT

This study is intended to discuss risk management and its importance to the fundamental operations of Vietinbank in Dong Nai, and whether the Basel II Accords have any significance to the severity. recession by creating capital shortages at banks at Vietinbank in Dong Nai and in general. The questionnaire was answered by key risk managers in branches of Vietin Dong Nai bank.

The questions consist of three main parts with a total of 42 questions.

The first part: 12 questions and focuses on the assessments obtained about the importance and effectiveness of the 5 key risk management techniques.

The second part : 28 questions and was used to answer 4 questions: the level of understanding and implementation of risk management, the most effective tools and techniques banks are using to manage risk, open to managers who are aware of risks related to operations and objectives, and the Basel II Agreement supports or hinders risk management among banks in Vietinbank. It is based on a Likert scale (5 levels) for each individual indicator.

Part three: two qualitative open-ended questions designed to obtain subjective information about their specific understanding of risk and risk management, as well as clarify answers to the quantitative questions. Based on the analysis results in this study, the author draws conclusions and proposes solutions for the research object which are banks in the Vietinbank Dong Nai banking system

Keywords: *banking, risk management*

Liên hệ **Đỗ Thị Thanh Trâm**

Công ty TNHH Nam Việt

E-mail: tbnguyen@agu.edu.vn